

**Cáp kết nối
NEBA-**
Số bộ phận: 8078221

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Tuân theo tiêu chuẩn	EN 61076-2-101 EN 61076-2-104 EN 61984
Giấy phép	c UL us - Listed (OL)
Mục đích sử dụng	Cáp kết nối kết nối các thiết bị từ trường (cảm biến, bộ truyền động) với bộ điều khiển.
tần số kết nối	100
trọng lượng sản phẩm	22 g...373 g
Lưu ý áp dụng	Đáp ứng các yêu cầu theo IEC 61010-1 và 61010-2-202, đặc biệt đối với vận hành bằng điện của Festo. Chỉ các mạch giới hạn năng lượng có dòng điện tối đa là 4 A và điện áp không tải tối đa là 30 V DC mới được phép cung cấp cho các van vận hành bằng điện từ Festo.
Cổng nối điện 1, chức năng	Phía thiết bị hiện trường
Cổng nối điện 1, thiết kế	tròn
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Ổ cắm Cáp
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	thẳng, góc
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101 M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104 đầu mở Đường kính 8 mm, được mã hóa A theo EN 61076-2-104
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	3 ...5
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	3 ...5
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa chốt Khóa vít với hình lục giác SW13 và rãnh dọc Khóa vít với hình lục giác SW9 và rãnh dọc có thể xoay
Cổng nối điện 1, kiểu gắn tương thích	Tương thích với khóa nhanh Tương thích với khóa vít xoay/không xoay
Cổng nối điện 1, gán chân cắm	Chân 1 = BN Chân 2 = WH Chân 3 = BU Chân 4 = BK Chân 5 = GY

Đặc tính	Giá trị
Cổng nối điện 1, màn hình	không có Đèn LED hiển thị trạng thái hoạt động màu xanh lá cây Hiển thị trạng thái chuyển đổi LED màu vàng cho các tiếp điểm PNP thường mở Hiển thị trạng thái chuyển đổi LED màu vàng cho các tiếp điểm NPN thường mở
Cổng nối điện 2, chức năng	Phía điều khiển
Cổng nối điện 2, thiết kế	tròn
Cổng nối điện 2, kiểu kết nối	Cáp Giắc cắm
Cổng nối điện 2, đầu ra cáp	thẳng được kê góc
Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101 M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104 đầu mở
Cổng nối điện 2, số cực/dây	3 ...5
Dải điện áp hoạt động DC	0 V...250 V
Dải điện áp hoạt động AC	0 V...250 V
Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C	4 A
Chiều dài cáp	0.3 m...30 m
Đặc điểm dây dẫn	độ phù hợp của máng xích/phù hợp với rô-bốt chống mài mòn độ bám dính thấp chống cháy và tự dập lửa
Dòng điều kiện kiểm tra	Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu Độ bền xoắn: > 300 000 chu kỳ, ± 270°/ 0,1 m Độ bền khi uốn: >50000 chu kỳ, bán kính uốn 5 mm Máng xích: > 5 triệu chu kỳ, bán kính uốn 28 mm
Cấu tạo cáp	3 x 0,25 mm ² 4 x 0,25 mm ² 5 x ,25 mm ²
Mức độ bảo vệ	IP65 IP68 IP69K
Tính chất đặc biệt	Chống tia cực tím chống thủy phân Chống chịu chất làm mát kháng vi khuẩn Chống dầu chống ôzôn
Sử dụng ngoài trời	Vị trí tiếp xúc trực tiếp với khí hậu ngoài trời cấp D1 dựa trên IEC 60654-1
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-40 °C...85 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	-40 - 50 ° C cho các ứng dụng UL
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt	-20 °C...85 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường khi lắp đặt cáp linh hoạt	-20 - 50 ° C cho các ứng dụng UL
Nhiệt độ bảo quản	-25 °C...55 °C
Lưu ý về nhiệt độ bảo quản	trong thời gian ngắn để vận chuyển trong bao bì -40 ... 85 °C
Độ ẩm tương đối	tối đa 93 % ở 40 °C
Chiều cao vận hành định mức	<= 2000 m NHN
Danh mục quá áp	II
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị điện áp thấp của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo các quy định UK RoHS theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây.
Loại phòng sạch	Loại 4 theo ISO 14644-1

Đặc tính	Giá trị
Ghi chú vật liệu	Không FCKW Tuân thủ RoHS không cadmium không chứa halogen không axit photphoric este
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Vật liệu vỏ	TPE-U(PUR)
Vật liệu khóa vít	Kẽm đúc áp lực, mạ niken
Vật liệu của phốt	FPM